

PHỤ LỤC

Danh mục hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND phường Tứ Hạ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 573/QĐ-UBND, ngày 16 tháng 8 năm 2021
của UBND phường)

I	Tài liệu chung	
1	Chính sách chất lượng	
2	Mục tiêu chất lượng	
3	Sổ tay chất lượng	
II	Quy trình hệ thống bắt buộc	
1	QT-KSTL-01	Quy trình kiểm soát tài liệu
2	QT-KSHS-02	Quy trình kiểm soát hồ sơ
3	QT-ĐGNB-03	Quy trình đánh giá nội bộ
4	QT-KSSKPH-04	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp
5	QT-HĐKP-05	Quy trình hành động khắc phục
6	QT-HĐPN-06	Quy trình hành động phòng ngừa
7	QT-QLRR-07	Quy trình quản lý rủi ro
III	Quy trình nội bộ	
1	QT-TNTKQ-01	Quy trình tiếp nhận và trả kết quả
2	QT-XXLD-02	Quy trình họp xem xét lãnh đạo
3	QT-QLVB-03	Quy trình quản lý văn bản
IV	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông	
STT	Tên quy trình	Tên thủ tục hành chính
I	LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	
	1. Lĩnh vực có công (02 QT; 02 TTHC)	
1	QT-CC-01	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ, đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ
2	QT-CC-02	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi
	2. Lĩnh vực bảo vệ chăm sóc trẻ em (06 QT; 06 TTHC)	
3	QT-BVCSTE-01	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em
4	QT-BVCSTE-02	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em
5	QT-BVCSTE-03	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ

		em có hoàn cảnh đặc biệt.
6	QT-BVCSTE-04	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân , người đại diện gia đình nhận chăm sóc, thay thế không phải là người thân thích của trẻ em
7	QT-BVCSTE-05	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em
8	QT-BVCSTE-06	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc, thay thế
3. Lĩnh vực bảo trợ xã hội (08 QT; 08 TTHC)		
9	QT-BTXH-01	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật
10	QT-BTXH-02	Đổi, cấp lại giấy xác nhận khuyết tật
11	QT-BTXH-03	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở
12	QT-BTXH-04	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng
13	QT-BTXH-05	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế
14	QT-BTXH-06	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm
15	QT-BTXH-07	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm
16	QT-BTXH-08	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.
4. Lĩnh vực phòng chống tệ nạn xã hội (03 QT; 03 TTHC)		
17	QT-PCTNXH-01	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình
18	QT-PCTNXH-02	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng
19	QT-PCTNXH-03	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng
II Giáo dục và đào tạo (05 QT; 05 TTHC)		
20	QT-GDĐT-01	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại
21	QT-GDĐT-02	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học

22	QT-GDDĐT-03	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
23	QT-GDDĐT-04	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập
24	QT-GDDĐT-05	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)
III	Lĩnh vực Văn hóa và Thể thao (05 QT; 05 TTHC)	
25	QT-VHĐT-01	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa
26	QT-VHĐT-02	Thủ tục xét tặng giấy khen gia đình văn hóa
27	QT-VHĐT-03	Thủ tục Thông báo tổ chức lễ hội
28	QT-VHĐT-04	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1.000 bản
29	QT-VHĐT-05	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở
IV	Lĩnh vực Y tế (01 QT; 01TTHC)	
30	QT-DSKHHGD-01	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số
V	NỘI VỤ (10 QT; 14 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Tôn giáo (07 QT; 10 TTHC)	
31	QT-TGTN-01	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng
32	QT-TGTN-02	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung
33	QT-TGTN-03	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã
34	QT-TGTN-04	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung
35	QT-TGTN-05	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc
36	QT-TGTN-06	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã
37	QT-TGTN-07	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
	2.Lĩnh vực thi đua – khen thưởng (03 QT; 04 TTHC)	
38	QT-TĐKT-01	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị

		Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề
39	QT-TĐKT-02	Tặng giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất
40	QT-TĐKT-03	Xét tặng danh hiệu lao động tiên tiến
VI	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	
	1.Lĩnh vực phát triển nông thôn (03 QT; 03 TTHC)	
41	QT-NNPTNT-01	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản
42	QT-NNPTNT -02	Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ vườn, trang trại, cây trồng phân tán của tổ chức; cây có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung, vườn nhà, trang trại, cây phân tán của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân
43	QT-NNPTNT -03	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)
	2. Quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện (01 QT; 02 TTHC)	
44	QT- NNPTNT -04	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
45	QT- NNPTNT -05	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã
	3. Lĩnh vực khuyến nông (01 QT; 01 TTHC)	
46	QT-KN-01	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương
VII	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (03 QT; 03 TTHC)	
	1.Lĩnh vực môi trường (01 QT; 01 TTHC)	
47	QT-MT-01	Tham vấn ý kiến bảo vệ môi trường chi tiết
	2. Lĩnh vực Đất đai (02 QT; 02 TTHC)	
48	QT-ĐĐ-01	Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai
49	QT-ĐĐ-02	Thủ tục cung cấp dữ liệu đất đai
VIII	TƯ PHÁP (30 QT; 41 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật (02 QT; 02 TTHC)	
50	QT-PBGDPL-01	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật

51	QT-PBGDPL-02	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật
2.Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở (04 QT-04 TTHC)		
52	QT-HGOCS-01	Thủ tục công nhận hòa giải viên
53	QT- HGOCS-02	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải
54	QT- HGOCS-03	Thủ tục thôi làm hòa giải viên
55	QT- HGOCS-04	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên
3.Lĩnh vực Bồi thường Nhà nước (01 QT; 01 TTHC)		
56	QT-BTNN-01	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại
4.Lĩnh vực Chứng thực (05 QT; 11 TTHC)		
57	QT-CT-01	Cấp bản sao từ sổ gốc
58	QT-CT-02	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận
59	QT-CT-03	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ , văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)
60	QT-CT-04	Chứng thực hợp đồng giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở
		Chứng thực di chúc
		Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản
		Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
		Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở
61	QT-CT-05	Chứng thực việc sửa đổi , bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch
		Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch
		Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực
5.Lĩnh vực Hộ tịch (14 QT; 17 TTHC)		
62	QT-HT-01	Đăng ký khai sinh
63	QT-HT-02	Đăng ký kết hôn
64	QT-HT-03	Đăng ký nhận cha, mẹ, con
		Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con
65	QT-HT-04	Đăng ký khai tử

66	QT-HT-06	Đăng ký giám hộ
67	QT-HT-07	Đăng ký chấm dứt giám hộ
68	QT-HT-08	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch
69	QT-HT-09	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
70	QT-HT-10	Đăng ký lại khai sinh
		Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân
		Đăng ký lại kết hôn
71	QT-HT-11	Đăng ký lại khai tử
72	QT-HT-12	Cấp bản sao trích lục hộ tịch
73	QT-HT-13	Liên thông đăng ký khai sinh, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi
74	QT-HT-14	Liên thông đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi
75	QT-HT-15	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí
6.Lĩnh vực nuôi con nuôi (02 QT; 02 TTHC)		
76	QT-NCN-01	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước
77	QT-NCN-02	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước
7.Lĩnh vực Khiếu nại -tố cáo (04 QT; 04 TTHC)		
78	QT-KNTC-01	Tiếp công dân
79	QT-KNTC-02	Xử lý đơn thư
80	QT-KNTC-03	Giải quyết khiếu nại lần đầu
81	QT-KNTC-04	Giải quyết tố cáo
IX Lĩnh vực phòng, chống tham nhũng (05 QT; 05 TTHC)		
82	QT-PCTN-01	Kê khai tài sản, thu nhập
83	QT-PCTN-02	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập
84	QT-PCTN-03	Xác minh tài sản, thu nhập
85	QT-PCTN-04	Tiếp nhận yêu cầu giải trình
86	QT-PCTN-05	Thực hiện việc giải trình
X Lĩnh vực phòng chống thiên tai (03 QT; 03 TTHC)		
87	QT-PCTT-01	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai
88	QT-PCTT-02	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh
89	QT-PCTT-03	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu
XI Lĩnh vực Thành lập và hoạt động Hợp tác xã (03 QT; 03 TTHC)		
90	QT-TL&HĐHTX-01	1. Thông báo thành lập tổ hợp tác

91	QT-TL&HĐHTX-02	2. Thông báo thay đổi tổ hợp tác
92	QT-TL&HĐHTX-03	3. Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác
XII	Lĩnh vực trồng trọt (01 QT, 01 TT)	
93	QT-TTr-01	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa
XII	QUÂN SỰ (14 QT; 14 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Động viên quân đội (02 thủ tục)	
94	QT-QS-01	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)
95	QT-QS-02	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)
	2. Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 thủ tục)	
96	QT-QS-03	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ
	3. Lĩnh vực Dân quân tự vệ (02 thủ tục)	
97	QT-QS-04	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết
98	QT-QS-05	Thủ tục trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết
	4. Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự (07 thủ tục)	
99	QT-QS-06	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu
100	QT-QS-07	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị
101	QT-QS-08	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung
102	QT-QS-09	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập
103	QT-QS-10	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập
104	QT-QS-11	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng

105	QT-QS-12	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến
5.Lĩnh vực chính sách (02 thủ tục)		
106	QT-QS-13	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc
107	QT-QS-14	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc <i>(đối tượng từ trần)</i>

**(gồm: 07 quy trình bắt buộc; 03 quy trình nội bộ; quy trình TTHC: gồm 19 lĩnh vực-
104 quy trình, 115 TTHC)**